

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc niêm yết công khai kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân
đối với kết quả xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội năm 2024**

Căn cứ Hướng dẫn số 90/HD-MTTW-BTT ngày 20/9/2022 của Ủy ban TW MTTQ Việt Nam về việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Kế hoạch số 497/KH-MTTQ-BTT ngày 08/7/2024; Hướng dẫn số 71/HD-MTTQ-BTT ngày 8/7/2024 của Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân về đề nghị thành phố Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024.

Nhằm đảm bảo công khai, dân chủ và thực hiện đúng quy trình, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội công khai kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về đề nghị thành phố Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024 để Nhân dân biết và tham gia ý kiến:

1. Thời gian niêm yết công khai: **10 ngày** (bắt đầu từ 14h00 ngày 26 tháng 7 năm 2024 đến hết 17h00 ngày 5 tháng 8 năm 2024, có biểu tổng hợp kết quả công khai đính kèm).

2. Hình thức công khai: Trên hệ thống truyền thông các báo, Đài Phát thanh - truyền hình Hà Nội, Đài truyền thanh các xã, các thôn; trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố, Huyện, thị xã; niêm yết tại trụ sở UBND các Huyện, thị xã; trụ sở UBND các xã và bảng tin của các khu dân cư, Nhà văn hóa các thôn (được lấy ý kiến).

3. Địa điểm công khai: Bộ phận tiếp nhận hồ sơ hành chính UBND Huyện, Thị xã, trụ sở UBND các xã và bảng tin của các khu dân cư, Nhà văn hóa các thôn.

Trong thời gian công khai, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Nhân dân về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về đề nghị Thành phố Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ xây dựng Nông thôn mới năm 2024./.

Nơi nhận:

- BTT. Ủy ban TW MTTQ VN;
- Ban PT Ủy ban TW MTTQ VN;
- TU, HĐND, UBND, BCĐ XDNTM TP;
- BTT. UBMTTQ VN TP HN;
- HU, HĐND, UBND, BCĐ XDNTM Huyện, thị;
- UBND, BCĐ XD NTM các xã;
- BTT MTTQ xã, Ban CTMT thôn, KDC;
- Các Báo - Đài PTTH Hà Nội;
- Lưu VT.

TM. BAN THƯỜNG TRỰC
PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Thị Phương Hoa

ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

BIỂU TỔNG HỢP CHI TIẾT

Kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân đề nghị công nhận
thành phố Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2024
(Kèm theo thông báo số: 368 /TB-MTTQ-BTT ngày 26 tháng 7 năm 2024)

Thông tin liên hệ: Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội

Địa chỉ: 29 Lý Thường Kiệt-Hoàn Kiếm-Hà Nội

Số điện thoại: 024.3934.6108 hoặc 098.347.7770

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
I	Huyện Thường Tín		10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445
1	Xã Chương Dương		661	661	661	661	661	661	661	661	661
	Hài lòng	Số phiếu	661	661	661	661	661	661	661	661	661
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
2	Xã Hòa Bình		553	553	553	553	553	553	553	553	553
	Hài lòng	Số phiếu	553	553	553	550	553	553	553	553	553
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	99,46%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	3	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0,54%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Xã Hồng Vân		1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045
	Hài lòng	Số phiếu	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045	1.045
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%



TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
4	Xã Nghiêm Xuyên		1.351	1.351	1.351	1.351	1.351	1.351	1.351	1.351	1.351
	Hài lòng	Số phiếu	1.351	1.351	1.348	1.343	1.350	1.351	1.351	1.350	1.351
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,78%	99,41%	99,93%	100%	100%	99,93%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	3	8	1	0	0	1	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,22%	0,59%	0,07%	0%	0%	0,07%	0%
5	Xã Nguyễn Trãi		1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533
	Hài lòng	Số phiếu	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533	1.533
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
6	Xã Tự Nhiên		1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203
	Hài lòng	Số phiếu	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203	1.203
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
7	Xã Văn Bình		1.683	1.683	1.683	1.683	1.683	1.683	1.683	1.683	1.683
	Hài lòng	Số phiếu	1.682	1.682	1.674	1.681	1.683	1.680	1.681	1.682	1.682
		Tỷ lệ (%)	99,94%	99,94%	99,47%	99,88%	100%	99,82%	99,88%	99,94%	99,94%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	1	9	2	0	3	2	1	1
		Tỷ lệ (%)	0,06%	0,06%	0,53%	0,12%	0%	0,18%	0,12%	0,06%	0,06%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
8	Xã Vân Tào		1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
	Hài lòng	Số phiếu	998	996	996	991	1.000	1.000	997	1.000	999
		Tỷ lệ (%)	99,80%	99,60%	99,60%	99,10%	100%	100%	99,70%	100%	99,90%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	4	4	9	0	0	3	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,20%	0,40%	0,40%	0,90%	0%	0%	0,30%	0%	0,10%
9	Xã Văn Tự		1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416
	Hài lòng	Số phiếu	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416	1.416
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
	Tổng cộng		10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445	10.445
	Hài lòng	Số phiếu	10.442	10.440	10.429	10.423	10.444	10.442	10.440	10.443	10.443
		Tỷ lệ (%)	99,97%	99,95%	99,85%	99,79%	99,99%	99,97%	99,95%	99,98%	99,98%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	5	16	22	1	3	5	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,03%	0,05%	0,15%	0,21%	0,01%	0,03%	0,05%	0,02%	0,02%
II	Huyện Đan Phượng		3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717
1	Xã Song Phượng		458	458	458	458	458	458	458	458	458
		Số phiếu	457	455	448	456	457	454	457	457	457
	Hài lòng	Tỷ lệ (%)	99,78%	99,34%	97,82%	99,56%	99,78%	99,13%	99,78%	99,78%	99,78%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	3	10	2	1	4	1	1	1
		Tỷ lệ (%)	0,22%	0,66%	2,18%	0,44%	0,22%	0,87%	0,22%	0,22%	0,22%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã Liên Hà		732	732	732	732	732	732	732	732	732
	Hài lòng	Số phiếu	731	732	729	707	732	732	726	732	732
		Tỷ lệ (%)	99,86%	100%	99,59%	96,58%	100%	100%	99,18%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	0	3	25	0	0	6	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,14%	0%	0,41%	3,42%	0%	0%	0,82%	0%	0%
3	Xã Thượng Mỗ		810	810	810	810	810	810	810	810	810
	Hài lòng	Số phiếu	809	808	798	804	809	809	808	808	810
		Tỷ lệ (%)	99,88%	99,75%	98,52%	99,26%	99,88%	99,88%	99,75%	99,75%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	2	12	6	1	1	2	2	0
		Tỷ lệ (%)	0,12%	0,25%	1,48%	0,74%	0,12%	0,12%	0,25%	0,25%	0%
4	Xã Thọ Xuân		876	876	876	876	876	876	876	876	876
	Hài lòng	Số phiếu	875	869	873	869	876	876	876	876	875
		Tỷ lệ (%)	99,89%	99,20%	99,66%	99,20%	100%	100%	100%	100%	99,89%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	7	3	7	0	0	0	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,11%	0,80%	0,34%	0,80%	0%	0%	0%	0%	0,11%
5	Xã Đồng Tháp		841	841	841	841	841	841	841	841	841
	Hài lòng	Số phiếu	840	839	840	841	841	841	840	841	840
		Tỷ lệ (%)	99,88%	99,76%	99,88%	100%	100%	100%	99,88%	100%	99,88%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	2	1	0	0	0	1	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,12%	0,24%	0,12%	0%	0%	0%	0,12%	0%	0,12%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
	Tổng cộng		3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717	3.717
	Hài lòng	Số phiếu	3.712	3.703	3.688	3.677	3.715	3.712	3.707	3.714	3.714
		Tỷ lệ (%)	99,87%	99,62%	99,22%	98,92%	99,95%	99,87%	99,73%	99,92%	99,92%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	5	14	29	40	2	5	10	3	3
		Tỷ lệ (%)	0,13%	0,38%	0,78%	1,08%	0,05%	0,13%	0,27%	0,08%	0,08%
III	Huyện Sóc Sơn		11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005
1	Xã Xuân Giang		917	917	917	917	917	917	917	917	917
	Hài lòng	Số phiếu	916	914	915	916	917	915	917	917	917
		Tỷ lệ (%)	99,89%	99,67%	99,78%	99,89%	100%	99,78%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	3	2	1	0	2	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,11%	0,33%	0,22%	0,11%	0%	0,22%	0%	0%	0%
2	Xã Quang Tiến		1.240	1.240	1.240	1.240	1.240	1.240	1.240	1.240	1.240
	Hài lòng	Số phiếu	1.239	1.240	1.239	1.237	1.240	1.240	1.240	1.239	1.239
		Tỷ lệ (%)	99,92%	100%	99,92%	99,76%	100%	100%	100%	99,92%	99,92%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	0	1	3	0	0	0	1	1
		Tỷ lệ (%)	0,08%	0%	0,08%	0,24%	0%	0%	0%	0,08%	0,08%
3	Xã Phù Lỗ		1.706	1.706	1.706	1.706	1.706	1.706	1.706	1.706	1.706
	Hài lòng	Số phiếu	1.705	1.706	1.694	1.706	1.706	1.706	1.705	1.706	1.706
		Tỷ lệ (%)	99,94%	100%	99,30%	100%	100%	100%	99,94%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	0	12	0	0	0	1	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,06%	0%	0,70%	0%	0%	0%	0,06%	0%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
4	Xã Phù Linh		1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362
	Hải lòng	Số phiếu	1.349	1.344	1.334	1.347	1.353	1.355	1.353	1.359	1.352
		Tỷ lệ (%)	99,05%	98,68%	97,94%	98,90%	99,34%	99,49%	99,34%	99,78%	99,27%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	13	18	28	15	9	7	9	3	10
		Tỷ lệ (%)	0,95%	1,32%	2,06%	1,10%	0,66%	0,51%	0,66%	0,22%	0,73%
5	Xã Đức Hòa		981	981	981	981	981	981	981	981	981
	Hải lòng	Số phiếu	978	973	974	979	981	980	978	978	981
		Tỷ lệ (%)	99,69%	99,18%	99,29%	99,80%	100%	99,90%	99,69%	99,69%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	8	7	2	0	1	3	3	0
		Tỷ lệ (%)	0,31%	0,82%	0,71%	0,20%	0%	0,10%	0,31%	0,31%	0%
6	Xã Phú Cường		1.750	1.750	1.750	1.750	1.750	1.750	1.750	1.750	1.750
	Hải lòng	Số phiếu	1.745	1.745	1.710	1.725	1.747	1.745	1.748	1.746	1.747
		Tỷ lệ (%)	99,71%	99,71%	97,71%	98,57%	99,83%	99,71%	99,89%	99,77%	99,83%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	5	5	40	25	3	5	2	4	3
		Tỷ lệ (%)	0,29%	0,29%	2,29%	1,43%	0,17%	0,29%	0,11%	0,23%	0,17%
7	Xã Phú Minh		1.361	1.361	1.361	1.361	1.361	1.361	1.361	1.361	1.361
	Hải lòng	Số phiếu	1.360	1.344	1.357	1.357	1.360	1.353	1.358	1.359	1.358
		Tỷ lệ (%)	99,93%	98,75%	99,71%	99,71%	99,93%	99,41%	99,78%	99,85%	99,78%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	17	4	4	1	8	3	2	3
		Tỷ lệ (%)	0,07%	1,25%	0,29%	0,29%	0,07%	0,59%	0,22%	0,15%	0,22%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
8	Xã Mai Đình		1.688	1.688	1.688	1.688	1.688	1.688	1.688	1.688	1.688
	Hài lòng	Số phiếu	1.683	1.676	1.677	1.684	1.683	1.683	1.687	1.668	1.683
		Tỷ lệ (%)	99,70%	99,29%	99,35%	99,76%	99,70%	99,70%	99,94%	98,82%	99,70%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	5	12	11	4	5	5	1	20	5
		Tỷ lệ (%)	0,30%	0,71%	0,65%	0,24%	0,30%	0,30%	0,06%	1,18%	0,30%
	Tổng cộng		11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005	11.005
	Hài lòng	Số phiếu	10.975	10.942	10.900	10.951	10.987	10.977	10.986	10.972	10.983
		Tỷ lệ (%)	99,73%	99,43%	99,05%	99,51%	99,84%	99,75%	99,83%	99,70%	99,80%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	30	63	105	54	18	28	19	33	22
		Tỷ lệ (%)	0,27%	0,57%	0,95%	0,49%	0,16%	0,25%	0,17%	0,30%	0,20%
IV	Huyện Quốc Oai		6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711
1	Xã Sài Sơn		2.351	2.351	2.351	2.351	2.351	2.351	2.351	2.351	2.351
	Hài lòng	Số phiếu	2.342	2.336	2.301	2.344	2.346	2.342	2.348	2.348	2.350
		Tỷ lệ (%)	99,62%	99,36%	97,87%	99,70%	99,79%	99,62%	99,87%	99,87%	99,96%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	9	15	50	7	5	9	3	3	1
		Tỷ lệ (%)	0,38%	0,64%	2,13%	0,30%	0,21%	0,38%	0,13%	0,13%	0,04%
2	Xã Tân Hòa		683	683	683	683	683	683	683	683	683
	Hài lòng	Số phiếu	682	677	682	683	681	682	683	682	681
		Tỷ lệ (%)	99,85%	99,12%	99,85%	100%	99,71%	99,85%	100%	99,85%	99,71%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	6	1	0	2	1	0	1	2
		Tỷ lệ (%)	0,15%	0,88%	0,15%	0%	0,29%	0,15%	0%	0,15%	0,29%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
3	Xã Đại Thành		911	911	911	911	911	911	911	911	911
	Hải lòng	Số phiếu	909	905	909	908	906	910	910	897	910
		Tỷ lệ (%)	99,78%	99,34%	99,78%	99,67%	99,45%	99,89%	99,89%	98,46%	99,89%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	2	6	2	3	5	1	1	14	1
		Tỷ lệ (%)	0,22%	0,66%	0,22%	0,33%	0,55%	0,11%	0,11%	1,54%	0,11%
4	Xã Ngọc Mỹ		780	780	780	780	780	780	780	780	780
	Hải lòng	Số phiếu	777	779	775	776	777	775	765	771	775
		Tỷ lệ (%)	99,62%	99,87%	99,36%	99,49%	99,62%	99,36%	98,08%	98,85%	99,36%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	3	1	5	4	3	5	15	9	5
		Tỷ lệ (%)	0,38%	0,13%	0,64%	0,51%	0,38%	0,64%	1,92%	1,15%	0,64%
5	Xã Nghĩa Hương		1.005	1.005	1.005	1.005	1.005	1.005	1.005	1.005	1.005
	Hải lòng	Số phiếu	1.005	997	983	1.005	1.005	1.004	985	998	1.003
		Tỷ lệ (%)	100%	99,20%	97,81%	100%	100%	99,90%	98,01%	99,30%	99,80%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	0	8	22	0	0	1	20	7	2
		Tỷ lệ (%)	0%	0,80%	2,19%	0%	0%	0,10%	1,99%	0,70%	0,20%
6	Xã Phú Cát		981	981	981	981	981	981	981	981	981
	Hải lòng	Số phiếu	961	942	943	973	958	955	976	973	967
		Tỷ lệ (%)	97,96%	96,02%	96,13%	99,18%	97,66%	97,35%	99,49%	99,18%	98,57%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	20	39	38	8	23	26	5	8	14
		Tỷ lệ (%)	2,04%	3,98%	3,87%	0,82%	2,34%	2,65%	0,51%	0,82%	1,43%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
	Tổng cộng		6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711	6.711
	Hài lòng	Số phiếu	6.676	6.636	6.593	6.689	6.673	6.668	6.667	6.669	6.686
		Tỷ lệ (%)	99,48%	98,88%	98,24%	99,67%	99,43%	99,36%	99,34%	99,37%	99,63%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	35	75	118	22	38	43	44	42	25
		Tỷ lệ (%)	0,52%	1,12%	1,76%	0,33%	0,57%	0,64%	0,66%	0,63%	0,37%
V	Huyện Hoài Đức		7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078
1	Xã Lại Yên		780	780	780	780	780	780	780	780	780
	Hài lòng	Số phiếu	777	779	776	776	780	779	778	777	779
		Tỷ lệ (%)	99,62%	99,87%	99,49%	99,49%	100%	99,87%	99,74%	99,62%	99,87%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	1	4	4	0	1	2	3	1
		Tỷ lệ (%)	0,38%	0,13%	0,51%	0,51%	0%	0,13%	0,26%	0,38%	0,13%
2	Xã Tiên Yên		845	845	845	845	845	845	845	845	845
	Hài lòng	Số phiếu	839	839	829	841	840	841	835	838	844
		Tỷ lệ (%)	99,29%	99,29%	98,11%	99,53%	99,41%	99,53%	98,82%	99,17%	99,88%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	6	6	16	4	5	4	10	7	1
		Tỷ lệ (%)	0,71	0,71	1,9	0,47	0,59	0,47	1,18	0,83	0,12
3	Xã Yên Sở		1.183	1.183	1.183	1.183	1.183	1.183	1.183	1.183	1.183
	Hài lòng	Số phiếu	1.180	1.176	1.163	1.177	1.182	1.180	1.180	1.181	1.181
		Tỷ lệ (%)	99,75%	99,41%	98,31%	99,49%	99,92%	99,75%	99,75%	99,83%	99,83%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	7	20	6	1	3	3	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,25%	0,59%	1,69%	0,51%	0,08%	0,25%	0,25%	0,17%	0,17%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
4	Xã Đức Giang		1.115	1.115	1.115	1.115	1.115	1.115	1.115	1.115	1.115
	Hài lòng	Số phiếu	1.112	1.107	1.026	1.113	1.110	1.115	1.113	1.114	1.115
		Tỷ lệ (%)	99,73%	99,28%	92,02%	99,82%	99,55%	100%	99,82%	99,91%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	8	89	2	5	0	2	1	0
		Tỷ lệ (%)	0,27%	0,72%	7,98%	0,18%	0,45%	0%	0,18%	0,09%	0%
5	Xã Đức Thượng		1.509	1.509	1.509	1.509	1.509	1.509	1.509	1.509	1.509
	Hài lòng	Số phiếu	1.505	1.506	1.509	1.505	1.509	1.507	1.504	1.509	1.509
		Tỷ lệ (%)	99,73%	99,80%	100%	99,73%	100%	99,87%	99,67%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	3	0	4	0	2	5	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,27%	0,20%	0%	0,27%	0%	0,13%	0,33%	0%	0%
6	Xã Văn Canh		1.646	1.646	1.646	1.646	1.646	1.646	1.646	1.646	1.646
	Hài lòng	Số phiếu	1.645	1.636	1.630	1.646	1.646	1.646	1.643	1.577	1.637
		Tỷ lệ (%)	99,94%	99,39%	99,03%	100%	100%	100%	99,82%	95,81%	99,45%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	10	16	0	0	0	3	69	9
		Tỷ lệ (%)	0,06%	0,61%	0,97%	0%	0%	0%	0,18%	4,19%	0,55%
	Tổng cộng		7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078	7.078
	Hài lòng	Số phiếu	7.058	7.043	6.933	7.058	7.067	7.068	7.053	6.996	7.065
		Tỷ lệ (%)	99,72%	99,51%	97,95%	99,72%	99,84%	99,86%	99,65%	98,84%	99,82%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	20	35	145	20	11	10	25	82	13
		Tỷ lệ (%)	0,28%	0,49%	2,05%	0,28%	0,16%	0,14%	0,35%	1,16%	0,18%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
VI	Huyện Phúc Thọ		6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150
1	Xã Võng Xuyên		2.014	2.014	2.014	2.014	2.014	2.014	2.014	2.014	2.014
	Hài lòng	Số phiếu	2.014	2.012	2.014	2.013	2.012	2.014	2.014	2.013	2.013
		Tỷ lệ (%)	100%	99,90%	100%	99,95%	99,90%	100%	100%	99,95%	99,95%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	2	0	1	2	0	0	1	1
		Tỷ lệ (%)	0%	0,10%	0%	0,05%	0,10%	0%	0%	0,05%	0,05%
2	Xã Trạch Mỹ Lộc		804	804	804	804	804	804	804	804	804
	Hài lòng	Số phiếu	804	804	803	786	804	804	804	804	804
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,88%	97,76%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	1	18	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,12%	2,24%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Xã Hát Môn		649	649	649	649	649	649	649	649	649
	Hài lòng	Số phiếu	644	644	638	637	645	646	643	645	649
		Tỷ lệ (%)	99,23%	99,23%	98,31%	98,15%	99,38%	99,54%	99,08%	99,38%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	5	5	11	12	4	3	6	4	0
		Tỷ lệ (%)	0,77%	0,77%	1,69%	1,85%	0,62%	0,46%	0,92%	0,62%	0%
4	Xã Xuân Đình		853	853	853	853	853	853	853	853	853
	Hài lòng	Số phiếu	849	851	852	850	852	852	852	852	851
		Tỷ lệ (%)	99,53%	99,77%	99,88%	99,65%	99,88%	99,88%	99,88%	99,88%	99,77%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	2	1	3	1	1	1	1	2
		Tỷ lệ (%)	0,47%	0,23%	0,12%	0,35%	0,12%	0,12%	0,12%	0,12%	0,23%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
5	Xã Vân Phúc		643	643	643	643	643	643	643	643	643
	Hài lòng	Số phiếu	643	643	641	637	643	643	643	643	643
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,69%	99,07%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	2	6	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,31%	0,93%	0%	0%	0%	0%	0%
6	Xã Hiệp Thuận		1.187	1.187	1.187	1.187	1.187	1.187	1.187	1.187	1.187
	Hài lòng	Số phiếu	1.176	1.119	1.159	1.144	1.182	1.181	1.141	1.177	1.173
		Tỷ lệ (%)	99,07%	94,27%	97,64%	96,38%	99,58%	99,49%	96,12%	99,16%	98,82%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	11	68	28	43	5	6	46	10	14
		Tỷ lệ (%)	0,93%	5,73%	2,36%	3,62%	0,42%	0,51%	3,88%	0,84%	1,18%
	Tổng cộng		6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150	6.150
	Hài lòng	Số phiếu	6.130	6.073	6.107	6.067	6.138	6.140	6.097	6.134	6.133
		Tỷ lệ (%)	99,67%	98,75%	99,30%	98,65%	99,80%	99,84%	99,14%	99,74%	99,72%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	20	77	43	83	12	10	53	16	17
		Tỷ lệ (%)	0,33%	1,25%	0,70%	1,35%	0,20%	0,16%	0,86%	0,26%	0,28%
VII	Huyện Ba Vì		8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844
1	Xã Đồng Thái		1038	1038	1038	1038	1038	1038	1038	1038	1038
	Hài lòng	Số phiếu	1034	1030	1031	1007	1036	1037	1037	1032	1037
		Tỷ lệ (%)	99,61%	99,23%	99,33%	97,01%	99,81%	99,90%	99,90%	99,42%	99,90%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	8	7	31	2	1	1	6	1
		Tỷ lệ (%)	0,39%	0,77%	0,67%	2,99%	0,19%	0,10%	0,10%	0,58%	0,10%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã Cam Thượng		789	789	789	789	789	789	789	789	789
	Hài lòng	Số phiếu	775	725	757	727	780	784	778	779	781
		Tỷ lệ (%)	98,23%	91,89%	95,94%	92,14%	98,86%	99,37%	98,61%	98,73%	98,99%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	14	64	32	62	9	5	11	10	8
		Tỷ lệ (%)	1,77%	8,11%	4,06%	7,86%	1,14%	0,63%	1,39%	1,27%	1,01%
3	Xã Phong Vân		504	504	504	504	504	504	504	504	504
	Hài lòng	Số phiếu	504	504	503	504	504	504	504	504	504
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,80%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	1	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,20%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Xã Thái Hoà		1.334	1.334	1.334	1.334	1.334	1.334	1.334	1.334	1.334
	Hài lòng	Số phiếu	1.332	1.301	1.284	1.334	1.334	1.333	1.332	1.334	1.333
		Tỷ lệ (%)	99,85%	97,53%	96,25%	100,00%	100,00%	99,93%	99,85%	100,00%	99,93%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	33	50	0	0	1	2	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,15%	2,47%	3,75%	0,00%	0,00%	0,07%	0,15%	0,00%	0,07%
5	Xã Sơn Đà		780	780	780	780	780	780	780	780	780
	Hài lòng	Số phiếu	780	746	778	721	780	780	780	780	780
		Tỷ lệ (%)	100%	95,64%	99,74%	92,44%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	34	2	59	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	4,36%	0,26%	7,56%	0%	0%	0%	0%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
6	Xã Yên Bái		718	718	718	718	718	718	718	718	718
	Hài lòng	Số phiếu	714	718	715	715	718	718	718	718	717
		Tỷ lệ (%)	99,44%	100%	99,58%	99,58%	100%	100%	100%	100%	99,86%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	0	3	3	0	0	0	0	1
		Tỷ lệ (%)	0,56%	0%	0,42%	0,42%	0%	0%	0%	0%	0,14%
7	Xã Ba Trại		1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400	1.400
	Hài lòng	Số phiếu	1.387	1.360	1.295	1.333	1.392	1.390	1.392	1.381	1.391
		Tỷ lệ (%)	99,07%	97,14%	92,50%	95,21%	99,43%	99,29%	99,43%	98,64%	99,36%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	13	40	105	67	8	10	8	19	9
		Tỷ lệ (%)	0,93%	2,86%	7,50%	4,79%	0,57%	0,71%	0,57%	1,36%	0,64%
8	Xã Đông Quang		599	599	599	599	599	599	599	599	599
	Hài lòng	Số phiếu	598	596	598	598	598	597	598	597	597
		Tỷ lệ (%)	99,83%	99,50%	99,83%	99,83%	99,83%	99,67%	99,83%	99,67%	99,67%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	3	1	1	1	2	1	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,17%	0,50%	0,17%	0,17%	0,17%	0,33%	0,17%	0,33%	0,33%
9	Xã Vật Lại		1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083	1.083
	Hài lòng	Số phiếu	1070	1014	1040	1078	1079	1076	1071	1077	1079
		Tỷ lệ (%)	98,80%	93,63%	96,03%	99,54%	99,63%	99,35%	98,89%	99,45%	99,63%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	13	69	43	5	4	7	12	6	4
		Tỷ lệ (%)	1,20%	6,37%	3,97%	0,46%	0,37%	0,65%	1,11%	0,55%	0,37%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
10	Xã Cổ Đô		599	599	599	599	599	599	599	599	599
	Hải lòng	Số phiếu	595	595	594	599	598	596	596	597	597
		Tỷ lệ (%)	99,33%	99,33%	99,17%	100%	99,83%	99,50%	99,50%	99,67%	99,67%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	4	4	5	0	1	3	3	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,67%	0,67%	0,83%	0%	0,17%	0,50%	0,50%	0,33%	0,33%
	Tổng cộng		8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844	8.844
	Hải lòng	Số phiếu	8.789	8.589	8.595	8.616	8.819	8.815	8.806	8.799	8.816
		Tỷ lệ (%)	99,38%	97,12%	97,18%	97,42%	99,72%	99,67%	99,57%	99,49%	99,68%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	55	255	249	228	25	29	38	45	28
		Tỷ lệ (%)	0,62%	2,88%	2,82%	2,58%	0,28%	0,33%	0,43%	0,51%	0,32%
VIII	Huyện Chương Mỹ		7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456
1	Xã Thụy Hương		969	969	969	969	969	969	969	969	969
	Hải lòng	Số phiếu	965	964	957	950	969	969	966	969	967
		Tỷ lệ (%)	99,59%	99,48%	98,76%	98,04%	100%	100%	99,69%	100%	99,79%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	4	5	12	19	0	0	3	0	2
		Tỷ lệ (%)	0,41%	0,52%	1,24%	1,96%	0%	0%	0,31%	0%	0,21%
2	Xã Lam Điền		1.254	1.254	1.254	1.254	1.254	1.254	1.254	1.254	1.254
	Hải lòng	Số phiếu	1.251	1.243	1.240	1.224	1.251	1.252	1.254	1.252	1.251
		Tỷ lệ (%)	99,76%	99,12%	98,88%	97,61%	99,76%	99,84%	100%	99,84%	99,76%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	3	11	14	30	3	2	0	2	3
		Tỷ lệ (%)	0,24%	0,88%	1,12%	2,39%	0,24%	0,16%	0%	0,16%	0,24%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
3	Xã Đồng Phú		277	277	277	277	277	277	277	277	277
	Hài lòng	Số phiếu	277	277	277	275	277	277	277	277	277
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	99%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	2	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	1%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Xã Hợp Đồng		794	794	794	794	794	794	794	794	794
	Hài lòng	Số phiếu	792	793	786	787	794	794	793	793	785
		Tỷ lệ (%)	99,75%	99,87%	98,99%	99,12%	100%	100%	99,87%	99,87%	98,87%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	1	8	7	0	0	1	1	9
		Tỷ lệ (%)	0,25%	0,13%	1,01%	0,88%	0%	0%	0,13%	0,13%	1,13%
5	Xã Đại Yên		814	814	814	814	814	814	814	814	814
	Hài lòng	Số phiếu	812	811	813	799	812	814	812	812	813
		Tỷ lệ (%)	99,75%	99,63%	99,88%	98,16%	99,75%	100%	99,75%	99,75%	99,88%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	3	1	15	2	0	2	2	1
		Tỷ lệ (%)	0,25%	0,37%	0,12%	1,84%	0,25%	0%	0,25%	0,25%	0,12%
6	Xã Thanh Bình		717	717	717	717	717	717	717	717	717
	Hài lòng	Số phiếu	715	715	713	700	716	717	711	715	713
		Tỷ lệ (%)	99,72%	99,72%	99,44%	97,63%	99,86%	100%	99,16%	99,72%	99,44%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	2	4	17	1	0	6	2	4
		Tỷ lệ (%)	0,28%	0,28%	0,56%	2,37%	0,14%	0%	0,84%	0,28%	0,56%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
7	Xã Tân Tiến		790	790	790	790	790	790	790	790	790
	Hài lòng	Số phiếu	788	786	756	774	789	790	788	788	790
		Tỷ lệ (%)	99,75%	99%	95,70%	97,97%	99,87%	100,00%	99,75%	99,75%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	4	34	16	1	0	2	2	0
		Tỷ lệ (%)	0,25%	0,51%	4,30%	2,03%	0,13%	0,00%	0,25%	0,25%	0%
8	Xã Trần Phú		801	801	801	801	801	801	801	801	801
	Hài lòng	Số phiếu	801	795	798	798	800	800	799	801	801
		Tỷ lệ (%)	100%	99,25%	99,63%	99,63%	99,88%	99,88%	99,75%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	6	3	3	1	1	2	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,75%	0,37%	0,37%	0,12%	0,12%	0,25%	0%	0%
9	Xã Tốt Động		1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040
	Hài lòng	Số phiếu	1.040	1.019	1.031	1.025	1.040	1.040	1.028	1.040	1.039
		Tỷ lệ (%)	100%	97,98%	99,13%	98,56%	100%	100%	98,85%	100%	99,90%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	21	9	15	0	0	12	0	1
		Tỷ lệ (%)	0%	2,02%	0,87%	1,44%	0%	0%	1,15%	0%	0,10%
	Tổng cộng		7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456	7.456
	Hài lòng	Số phiếu	7.441	7.403	7.371	7.332	7.448	7.453	7.428	7.447	7.436
		Tỷ lệ (%)	99,80%	99,29%	98,86%	98,34%	99,89%	99,96%	99,62%	99,88%	99,73%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	15	53	85	124	8	3	28	9	20
		Tỷ lệ (%)	0,20%	0,71%	1,14%	1,66%	0,11%	0,04%	0,38%	0,12%	0,27%



TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
IX	Huyện Thanh Oai		6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023
1	Xã Thanh Cao		989	989	989	989	989	989	989	989	989
	Hài lòng	Số phiếu	987	987	986	987	989	987	989	989	989
		Tỷ lệ (%)	99,80%	99,80%	99,70%	99,80%	100%	99,80%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	2	3	2	0	2	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,20%	0,20%	0,30%	0,20%	0%	0,20%	0%	0%	0%
2	Xã Dân Hòa		1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278
	Hài lòng	Số phiếu	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Xã Đỗ Động		676	676	676	676	676	676	676	676	676
	Hài lòng	Số phiếu	676	674	676	676	676	676	675	675	676
		Tỷ lệ (%)	100%	99,70%	100%	100%	100%	100%	99,85%	99,85%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	2	0	0	0	0	1	1	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,30%	0%	0%	0%	0%	0,15%	0,15%	0%
4	Xã Liên Châu		1.094	1.094	1.094	1.094	1.094	1.094	1.094	1.094	1.094
	Hài lòng	Số phiếu	1.094	1.092	1.090	1.090	1.094	1.091	1.094	1.092	1.094
		Tỷ lệ (%)	100%	99,82%	99,63%	99,63%	100%	99,73%	100%	99,82%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	2	4	4	0	3	0	2	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,18%	0,37%	0,37%	0%	0,27%	0%	0,18%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
5	Xã Thanh Văn		624	624	624	624	624	624	624	624	624
	Hài lòng	Số phiếu	624	624	623	623	624	624	624	623	624
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,84%	99,84%	100%	100%	100%	99,84%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	1	1	0	0	0	1	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,16%	0,16%	0%	0%	0%	0,16%	0%
6	Xã Tam Hưng		1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362	1.362
	Hài lòng	Số phiếu	1.358	1.357	1.346	1.335	1.355	1.356	1.356	1.358	1.360
		Tỷ lệ (%)	99,71%	99,63%	98,83%	98,02%	99,49%	99,56%	99,56%	99,71%	99,85%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	5	16	27	7	6	6	4	2
		Tỷ lệ (%)	0,29%	0,37%	1,17%	1,98%	0,51%	0,44%	0,44%	0,29%	0,15%
	Tổng cộng		6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023	6.023
	Hài lòng	Số phiếu	6.017	6.012	5.999	5.989	6.016	6.012	6.016	6.015	6.021
		Tỷ lệ (%)	99,90%	99,82%	99,60%	99,44%	99,88%	99,82%	99,88%	99,87%	99,97%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	6	11	24	34	7	11	7	8	2
		Tỷ lệ (%)	0,10%	0,18%	0,40%	0,56%	0,12%	0,18%	0,12%	0,13%	0,03%
X	Thị xã Sơn Tây		6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661
1	Xã Sơn Đông		1.230	1.230	1.230	1.230	1.230	1.230	1.230	1.230	1.230
	Hài lòng	Số phiếu	1.217	1.178	1.211	1.149	1.222	1.220	1.220	1.213	1.176
		Tỷ lệ (%)	98,94%	95,77%	98,46%	93,41%	99,35%	99,19%	99,19%	98,62%	95,61%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	13	52	19	81	8	10	10	17	54
		Tỷ lệ (%)	1,06%	4,23%	1,54%	6,59%	0,65%	0,81%	0,81%	1,38%	4,39%



TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã Cổ Đông		1.567	1.567	1.567	1.567	1.567	1.567	1.567	1.567	1.567
	Hải lòng	Số phiếu	1.552	1.508	1.541	1.474	1.556	1.556	1.548	1.486	1.546
		Tỷ lệ (%)	99,04%	96,23%	98,34%	94,07%	99,30%	99,30%	98,79%	94,83%	98,66%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	15	59	26	93	11	11	19	81	21
		Tỷ lệ (%)	0,96%	3,77%	1,66%	5,93%	0,70%	0,70%	1,21%	5,17%	1,34%
3	Xã Kim Sơn		926	926	926	926	926	926	926	926	926
	Hải lòng	Số phiếu	922	907	923	924	924	924	919	925	923
		Tỷ lệ (%)	99,57%	97,95%	99,68%	99,78%	99,78%	99,78%	99,24%	99,89%	99,68%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	19	3	2	2	2	7	1	3
		Tỷ lệ (%)	0,43%	2,05%	0,32%	0,22%	0,22%	0,22%	0,76%	0,11%	0,32%
4	Xã Xuân Sơn		617	617	617	617	617	617	617	617	617
	Hải lòng	Số phiếu	617	617	617	617	617	617	617	617	617
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
5	Xã Thanh Mỹ		1.175	1.175	1.175	1.175	1.175	1.175	1.175	1.175	1.175
	Hải lòng	Số phiếu	1.173	1.148	1.155	1.139	1.174	1.171	1.167	1.173	1.163
		Tỷ lệ (%)	99,83%	97,70%	98,30%	96,94%	99,91%	99,66%	99,32%	99,83%	98,98%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	27	20	36	1	4	8	2	12
		Tỷ lệ (%)	0,17%	2,30%	1,70%	3,06%	0,09%	0,34%	0,68%	0,17%	1,02%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
6	Xã Đường Lâm		1.146	1.146	1.146	1.146	1.146	1.146	1.146	1.146	1.146
	Hải lòng	Số phiếu	1.145	1.143	1.146	1.145	1.146	1.146	1.146	1.146	1.136
		Tỷ lệ (%)	99,91%	99,74%	100%	99,91%	100%	100%	100%	100%	99,13%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	1	3	0	1	0	0	0	0	10
		Tỷ lệ (%)	0,09%	0,26%	0%	0,09%	0%	0%	0%	0%	0,87%
	Tổng cộng		6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661	6.661
	Hải lòng	Số phiếu	6.626	6.501	6.593	6.448	6.639	6.634	6.617	6.560	6.561
		Tỷ lệ (%)	99,47%	97,60%	98,98%	96,80%	99,67%	99,59%	99,34%	98,48%	98,50%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	35	160	68	213	22	27	44	101	100
		Tỷ lệ (%)	0,53%	2,40%	1,02%	3,20%	0,33%	0,41%	0,66%	1,52%	1,50%
XI	Huyện Gia Lâm		11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590
1	Xã Yên Viên		1.880	1.880	1.880	1.880	1.880	1.880	1.880	1.880	1.880
	Hải lòng	Số phiếu	1.878	1.866	1.877	1.878	1.880	1.880	1.880	1.880	1.880
		Tỷ lệ (%)	99,89%	99,26%	99,84%	99,89%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	2	14	3	2	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0,11%	0,74%	0,16%	0,11%	0%	0%	0%	0%	0%
2	Xã Yên Thường		1.415	1.415	1.415	1.415	1.415	1.415	1.415	1.415	1.415
	Hải lòng	Số phiếu	1.414	1.404	1.407	1.411	1.411	1.406	1.411	1.401	1.411
		Tỷ lệ (%)	99,93%	99,22%	99,43%	99,72%	99,72%	99,36%	99,72%	99,01%	99,72%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	1	11	8	4	4	9	4	14	4
		Tỷ lệ (%)	0,07%	0,78%	0,57%	0,28%	0,28%	0,64%	0,28%	0,99%	0,28%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
3	Xã Đa Tốn		2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130
	Hài lòng	Số phiếu	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130	2.130
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Xã Kiêu Kỳ		1.630	1.630	1.630	1.630	1.630	1.630	1.630	1.630	1.630
	Hài lòng	Số phiếu	1.630	1.622	1.629	1.630	1.630	1.630	1.630	1.629	1.630
		Tỷ lệ (%)	100%	99,51%	99,94%	100%	100%	100%	100%	99,94%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	8	1	0	0	0	0	1	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,49%	0,06%	0%	0%	0%	0%	0,06%	0%
5	Xã Dương Quang		1.370	1.370	1.370	1.370	1.370	1.370	1.370	1.370	1.370
	Hài lòng	Số phiếu	1.367	1.348	1.362	1.367	1.366	1.369	1.364	1.366	1.369
		Tỷ lệ (%)	99,78%	98,39%	99,42%	99,78%	99,71%	99,93%	99,56%	99,71%	99,93%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	22	8	3	4	1	6	4	1
		Tỷ lệ (%)	0,22%	1,61%	0,58%	0,22%	0,29%	0,07%	0,44%	0,29%	0,07%
6	Xã Đặng Xá		3.165	3.165	3.165	3.165	3.165	3.165	3.165	3.165	3.165
	Hài lòng	Số phiếu	3.157	3.144	3.132	3.162	3.160	3.163	3.159	3.163	3.163
		Tỷ lệ (%)	99,75%	99,34%	98,96%	99,91%	99,84%	99,94%	99,81%	99,94%	99,94%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	8	21	33	3	5	2	6	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,25%	0,66%	1,04%	0,09%	0,16%	0,06%	0,19%	0,06%	0,06%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
	Tổng cộng		11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590	11.590
	Hài lòng	Số phiếu	11.576	11.514	11.537	11.578	11.577	11.578	11.574	11.569	11.583
		Tỷ lệ (%)	99,88%	99,34%	99,54%	99,90%	99,89%	99,90%	99,86%	99,82%	99,94%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	14	76	53	12	13	12	16	21	7
		Tỷ lệ (%)	0,12%	0,66%	0,46%	0,10%	0,11%	0,10%	0,14%	0,18%	0,06%
XII	Huyện Mê Linh		5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181
1	Xã Tiên Thắng		1.268	1.268	1.268	1.268	1.268	1.268	1.268	1.268	1.268
	Hài lòng	Số phiếu	1.268	1.266	1.267	1.268	1.268	1.268	1.268	1.268	1.268
		Tỷ lệ (%)	100%	99,84%	99,92%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	2	1	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,16%	0,08%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
2	Xã Tự Lập		1.098	1.098	1.098	1.098	1.098	1.098	1.098	1.098	1.098
	Hài lòng	Số phiếu	1.098	1.098	1.096	1.098	1.098	1.098	1.098	1.098	1.098
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,82%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	2	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,18%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Xã Đại Thịnh		1.294	1.294	1.294	1.294	1.294	1.294	1.294	1.294	1.294
	Hài lòng	Số phiếu	1.293	1.294	1.289	1.294	1.292	1.293	1.288	1.291	1.292
		Tỷ lệ (%)	99,92%	100%	99,61%	100%	99,85%	99,92%	99,54%	99,77%	99,85%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	0	5	0	2	1	6	3	2
		Tỷ lệ (%)	0,08%	0%	0,39%	0%	0,15%	0,08%	0,46%	0,23%	0,15%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
4	Xã Hoàng Kim		632	632	632	632	632	632	632	632	632
	Hài lòng	Số phiếu	630	620	625	631	630	624	625	628	625
		Tỷ lệ (%)	99,68%	98,10%	98,89%	99,84%	99,68%	98,73%	98,89%	99,37%	98,89%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	12	7	1	2	8	7	4	7
		Tỷ lệ (%)	0,32%	1,90%	1,11%	0,16%	0,32%	1,27%	1,11%	0,63%	1,11%
5	Xã Thạch Đà		889	889	889	889	889	889	889	889	889
	Hài lòng	Số phiếu	889	889	874	882	888	889	889	889	889
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	98,31%	99,21%	99,89%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	15	7	1	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	1,69%	0,79%	0,11%	0%	0%	0%	0%
	Tổng cộng		5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181	5.181
	Hài lòng	Số phiếu	5.178	5.167	5.151	5.173	5.176	5.172	5.168	5.174	5.172
		Tỷ lệ (%)	99,94%	99,73%	99,42%	99,85%	99,90%	99,83%	99,75%	99,86%	99,83%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	14	30	8	5	9	13	7	9
		Tỷ lệ (%)	0,06%	0,27%	0,58%	0,15%	0,10%	0,17%	0,25%	0,14%	0,17%
XIII	Huyện Mỹ Đức		8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028
1	Xã Đồng Tâm		1037	1037	1037	1037	1037	1037	1037	1037	1037
	Hài lòng	Số phiếu	1027	975	992	956	1035	1034	1019	1035	1032
		Tỷ lệ (%)	99,04%	94,02%	95,66%	92,19%	99,81%	99,71%	98,26%	99,81%	99,52%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	10	62	45	81	2	3	18	2	5
		Tỷ lệ (%)	0,96%	5,98%	4,34%	7,81%	0,19%	0,29%	1,74%	0,19%	0,48%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã An Mỹ		1.118	1.118	1.118	1.118	1.118	1.118	1.118	1.118	1.118
	Hải lòng	Số phiếu	1.118	1.113	1.110	1.086	1.118	1.118	1.118	1.118	1.118
		Tỷ lệ (%)	100%	99,55%	99,28%	97,14%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	0	5	8	32	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,45%	0,72%	2,86%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Xã Lê Thanh		1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600	1.600
	Hải lòng	Số phiếu	1.596	1.595	1.580	1.535	1.600	1.598	1.597	1.599	1.597
		Tỷ lệ (%)	99,75%	99,69%	98,75%	95,94%	100%	99,88%	99,81%	99,94%	99,81%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	4	5	20	65	0	2	3	1	3
		Tỷ lệ (%)	0,25%	0,31%	1,25%	4,06%	0%	0,13%	0,19%	0,06%	0,19%
4	Xã Hồng Sơn		694	694	694	694	694	694	694	694	694
	Hải lòng	Số phiếu	694	694	691	682	694	694	694	694	694
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,57%	98,27%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	0	0	3	12	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,43%	1,73%	0%	0%	0%	0%	0%
5	Xã Đại Hưng		1125	1125	1125	1125	1125	1125	1125	1125	1125
	Hải lòng	Số phiếu	1124	1125	1125	1116	1124	1124	1125	1123	1125
		Tỷ lệ (%)	99,91%	100%	100%	99,20%	99,91%	99,91%	100%	99,82%	100%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	1	0	0	9	1	1	0	2	0
		Tỷ lệ (%)	0,09%	0%	0%	0,80%	0,09%	0,09%	0%	0,18%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
6	Xã Hợp Thanh		1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425	1.425
	Hài lòng	Số phiếu	1.425	1.422	1.425	1.363	1.425	1.425	1.419	1.425	1.396
		Tỷ lệ (%)	100%	99,79%	100%	95,65%	100%	100%	99,58%	100%	97,96%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	3	0	62	0	0	6	0	29
		Tỷ lệ (%)	0%	0,21%	0%	4,35%	0%	0%	0,42%	0%	2,04%
7	Xã Hùng Tiến		1.029	1.029	1.029	1.029	1.029	1.029	1.029	1.029	1.029
	Hài lòng	Số phiếu	1.029	1.023	1.018	1.007	1.023	1.026	1.022	1.028	1.016
		Tỷ lệ (%)	100%	99,42%	98,93%	97,86%	99,42%	99,71%	99,32%	99,90%	98,74%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	6	11	22	6	3	7	1	13
		Tỷ lệ (%)	0%	0,58%	1,07%	2,14%	0,58%	0,29%	0,68%	0,10%	1,26%
	Tổng cộng		8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028	8.028
	Hài lòng	Số phiếu	8.013	7.947	7.941	7.745	8.019	8.019	7.994	8.022	7.978
		Tỷ lệ (%)	99,81%	98,99%	98,92%	96,47%	99,89%	99,89%	99,58%	99,93%	99,38%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	15	81	87	283	9	9	34	6	50
		Tỷ lệ (%)	0,19%	1,01%	1,08%	3,53%	0,11%	0,11%	0,42%	0,07%	0,62%
XIV	Huyện Phú Xuyên		8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359
1	Xã Phúc Tiến		1.242	1.242	1.242	1.242	1.242	1.242	1.242	1.242	1.242
	Hài lòng	Số phiếu	1.242	1.235	1.239	1.241	1.242	1.242	1.241	1.241	1.241
		Tỷ lệ (%)	100%	99,44%	99,76%	99,92%	100%	100%	99,92%	99,92%	99,92%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	7	3	1	0	0	1	1	1
		Tỷ lệ (%)	0%	0,56%	0,24%	0,08%	0%	0%	0,08%	0,08%	0,08%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã Phú Túc		1.165	1.165	1.165	1.165	1.165	1.165	1.165	1.165	1.165
	Hài lòng	Số phiếu	1.165	1.155	1.159	1.122	1.164	1.163	1.162	1.149	1.164
		Tỷ lệ (%)	100%	99,14%	99,48%	96,31%	99,91%	99,83%	99,74%	98,63%	99,91%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	10	6	43	1	2	3	16	1
		Tỷ lệ (%)	0%	0,86%	0,52%	3,69%	0,09%	0,17%	0,26%	1,37%	0,09%
3	Xã Phú Yên		653	653	653	653	653	653	653	653	653
	Hài lòng	Số phiếu	653	653	652	653	653	653	653	653	653
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,85%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	1	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,15%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
4	Xã Tri Thủy		1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278	1.278
	Hài lòng	Số phiếu	1.278	1.251	1.266	1.274	1.278	1.278	1.277	1.278	1.278
		Tỷ lệ (%)	100%	97,89%	99,06%	99,69%	100%	100%	99,92%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	27	12	4	0	0	1	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	2,11%	0,94%	0,31%	0%	0%	0,08%	0%	0%
5	Xã Châu Can		920	920	920	920	920	920	920	920	920
	Hài lòng	Số phiếu	919	911	907	918	919	917	916	917	918
		Tỷ lệ (%)	99,89%	99,02%	98,59%	99,78%	99,89%	99,67%	99,57%	99,67%	99,78%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	9	13	2	1	3	4	3	2
		Tỷ lệ (%)	0,11%	0,98%	1,41%	0,22%	0,11%	0,33%	0,43%	0,33%	0,22%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
6	Xã Hồng Thái		1.106	1.106	1.106	1.106	1.106	1.106	1.106	1.106	1.106
	Hải lòng	Số phiếu	1.087	1.090	1.096	1.096	1.088	1.093	1.090	1.089	1.101
		Tỷ lệ (%)	98,28%	98,55%	99,10%	99,10%	98,37%	98,82%	98,55%	98,46%	99,55%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	19	16	10	10	18	13	16	17	5
		Tỷ lệ (%)	1,72%	1,45%	0,90%	0,90%	1,63%	1,18%	1,45%	1,54%	0,45%
7	Xã Vân Từ		706	706	706	706	706	706	706	706	706
	Hải lòng	Số phiếu	700	693	665	704	695	702	701	688	703
		Tỷ lệ (%)	99,15%	98,16%	94,19%	99,72%	98,44%	99,43%	99,29%	97,45%	99,58%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	6	13	41	2	11	4	5	18	3
		Tỷ lệ (%)	0,85%	1,84%	5,81%	0,28%	1,56%	0,57%	0,71%	2,55%	0,42%
8	Xã Chuyên Mỹ		1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289	1.289
	Hải lòng	Số phiếu	1.280	1.283	1.188	1.235	1.287	1.286	1.277	1.276	1.241
		Tỷ lệ (%)	99,30%	99,53%	92,16%	95,81%	99,84%	99,77%	99,07%	98,99%	96,28%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	9	6	101	54	2	3	12	13	48
		Tỷ lệ (%)	0,70%	0,47%	7,84%	4,19%	0,16%	0,23%	0,93%	1,01%	3,72%
	Tổng cộng		8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359	8.359
	Hải lòng	Số phiếu	8.324	8.271	8.172	8.243	8.326	8.334	8.317	8.291	8.299
		Tỷ lệ (%)	99,58%	98,95%	97,76%	98,61%	99,61%	99,70%	99,50%	99,19%	99,28%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	35	88	187	116	33	25	42	68	60
		Tỷ lệ (%)	0,42%	1,05%	2,24%	1,39%	0,39%	0,30%	0,50%	0,81%	0,72%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
XV	Huyện Thạch Thất		5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162
1	Xã Đại Đồng		1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040	1.040
	Hải lòng	Số phiếu	1.039	1.038	1.038	1.036	1.039	1.039	1.039	1.039	1.039
		Tỷ lệ (%)	99,90%	99,81%	99,81%	99,62%	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%	99,90%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	1	2	2	4	1	1	1	1	1
		Tỷ lệ (%)	0,10%	0,19%	0,19%	0,38%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%	0,10%
2	Xã Hương Ngải		988	988	988	988	988	988	988	988	988
	Hải lòng	Số phiếu	987	988	987	986	987	988	988	987	988
		Tỷ lệ (%)	99,90%	100%	99,90%	99,80%	99,90%	100%	100%	99,90%	100%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	1	0	1	2	1	0	0	1	0
		Tỷ lệ (%)	0,10%	0%	0,10%	0,20%	0,10%	0%	0%	0,10%	0%
3	Xã Dị Nậu		1021	1021	1021	1021	1021	1021	1021	1021	1021
	Hải lòng	Số phiếu	1020	1021	1019	1020	1021	1016	1009	1020	1020
		Tỷ lệ (%)	99,90%	100%	99,80%	99,90%	100%	99,51%	98,82%	99,90%	99,90%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	1	0	2	1	0	5	12	1	1
		Tỷ lệ (%)	0,10%	0%	0,20%	0,10%	0%	0,49%	1,18%	0,10%	0,10%
4	Xã Hạ Bằng		893	893	893	893	893	893	893	893	893
	Hải lòng	Số phiếu	893	892	893	892	892	893	893	893	893
		Tỷ lệ (%)	100%	99,89%	100%	99,89%	99,89%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	0	1	0	1	1	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,11%	0%	0,11%	0,11%	0%	0%	0%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
5	Xã Đồng Trục		413	413	413	413	413	413	413	413	413
	Hài lòng	Số phiếu	413	413	413	413	413	413	413	413	413
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
6	Xã Yên Bình		807	807	807	807	807	807	807	807	807
	Hài lòng	Số phiếu	807	801	807	801	805	802	805	793	804
		Tỷ lệ (%)	100%	99,26%	100%	99,26%	99,75%	99,38%	99,75%	98,27%	99,63%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	6	0	6	2	5	2	14	3
		Tỷ lệ (%)	0%	0,74%	0%	0,74%	0,25%	0,62%	0,25%	1,73%	0,37%
	Tổng cộng		5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162	5.162
	Hài lòng	Số phiếu	5.159	5.153	5.157	5.148	5.157	5.151	5.147	5.145	5.157
		Tỷ lệ (%)	99,94%	99,83%	99,90%	99,73%	99,90%	99,79%	99,71%	99,67%	99,90%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	9	5	14	5	11	15	17	5
		Tỷ lệ (%)	0,06%	0,17%	0,10%	0,27%	0,10%	0,21%	0,29%	0,33%	0,10%
XVI	Huyện Thanh Trì		8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305
1	Xã Yên Mỹ		891	891	891	891	891	891	891	891	891
	Hài lòng	Số phiếu	891	891	883	889	891	889	891	891	891
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,10%	99,78%	100%	99,78%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	8	2	0	2	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,90%	0,22%	0%	0,22%	0%	0%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã Thanh Liệt		2.775	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775
	Hài lòng	Số phiếu	2.775	2.775	2.772	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775	2.775
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,89%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	3	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,11%	0%	0%	0%	0%	0%	0%
3	Xã Vạn Phúc		2.155	2.155	2.155	2.155	2.155	2.155	2.155	2.155	2.155
	Hài lòng	Số phiếu	2.151	2.153	2.154	2.153	2.154	2.154	2.154	2.154	2.153
		Tỷ lệ (%)	99,81%	99,91%	99,95%	99,91%	99,95%	99,95%	99,95%	99,95%	99,91%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	2	1	2	1	1	1	1	2
		Tỷ lệ (%)	0,19%	0,09%	0,05%	0,09%	0,05%	0,05%	0,05%	0,05%	0,09%
4	Xã Đại Áng		1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505
	Hài lòng	Số phiếu	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505	1.505
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5	Xã Đông Mỹ		979	979	979	979	979	979	979	979	979
	Hài lòng	Số phiếu	979	979	978	979	979	979	979	979	979
		Tỷ lệ (%)	100%	100%	99,90%	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	0	1	0	0	0	0	0	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0%	0,10%	0%	0%	0%	0%	0%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
	Tổng cộng		8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305	8.305
	Hài lòng	Số phiếu	8.301	8.303	8.292	8.301	8.304	8.302	8.304	8.304	8.303
		Tỷ lệ (%)	99,95%	99,98%	99,84%	99,95%	99,99%	99,96%	99,99%	99,99%	99,98%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	4	2	13	4	1	3	1	1	2
		Tỷ lệ (%)	0,05%	0,02%	0,16%	0,05%	0,01%	0,04%	0,01%	0,01%	0,02%
XVII	Huyện Ứng Hòa		6.770	6.770	6.770	6.770	6.770	6.770	6.770	6.770	6.770
1	Xã Cao Thành		320	320	320	320	320	320	320	320	320
		Số phiếu	318	320	319	320	319	320	318	319	320
	Hài lòng	Tỷ lệ (%)	99,38%	100%	99,69%	100%	99,69%	100%	99,38%	99,69%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	0	1	0	1	0	2	1	0
		Tỷ lệ (%)	0,63%	0%	0,31%	0%	0,31%	0%	0,63%	0,31%	0%
2	Xã Sơn Công		460	460	460	460	460	460	460	460	460
	Hài lòng	Số phiếu	457	459	434	424	454	452	452	453	458
		Tỷ lệ (%)	99,35%	99,78%	94,35%	92,17%	98,70%	98,26%	98,26%	98,48%	99,57%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	3	1	26	36	6	8	8	7	2
		Tỷ lệ (%)	0,65%	0,22%	5,65%	7,83%	1,30%	1,74%	1,74%	1,52%	0,43%
3	Xã Liên Bạt		490	490	490	490	490	490	490	490	490
	Hài lòng	Số phiếu	447	461	470	441	456	451	460	465	475
		Tỷ lệ (%)	91,22%	94,08%	95,92%	90,00%	93,06%	92,04%	93,88%	94,90%	96,94%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	43	29	20	49	34	39	30	25	15
		Tỷ lệ (%)	8,78%	5,92%	4,08%	10,00%	6,94%	7,96%	6,12%	5,10%	3,06%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
4	Xã Phương Tú		1340	1340	1340	1340	1340	1340	1340	1340	1340
		Số phiếu	1299	1273	1299	1288	1300	1280	1298	1291	1322
	Hải lòng	Tỷ lệ (%)	96,94%	95,00%	96,94%	96,12%	97,01%	95,52%	96,87%	96,34%	98,66%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	41	67	41	52	40	60	42	49	18
		Tỷ lệ (%)	3,06%	5,00%	3,06%	3,88%	2,99%	4,48%	3,13%	3,66%	1,34%
5	Xã Trung Tú		860	860	860	860	860	860	860	860	860
	Hải lòng	Số phiếu	848	844	840	811	854	854	850	848	851
		Tỷ lệ (%)	98,60%	98,14%	97,67%	94,30%	99,30%	99,30%	98,84%	98,60%	98,95%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	12	16	20	49	6	6	10	12	9
		Tỷ lệ (%)	1,40%	1,86%	2,33%	5,70%	0,70%	0,70%	1,16%	1,40%	1,05%
6	Xã Minh Đức		735	735	735	735	735	735	735	735	735
	Hải lòng	Số phiếu	731	730	729	720	723	724	725	726	733
		Tỷ lệ (%)	99,46%	99,32%	99,18%	97,96%	98,37%	98,50%	98,64%	98,78%	99,73%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	4	5	6	15	12	11	10	9	2
		Tỷ lệ (%)	0,54%	0,68%	0,82%	2,04%	1,63%	1,50%	1,36%	1,22%	0,27%
7	Xã Tảo Dương Văn		880	880	880	880	880	880	880	880	880
	Hải lòng	Số phiếu	876	862	860	856	876	874	868	868	870
		Tỷ lệ (%)	99,55%	97,95%	97,73%	97,27%	99,55%	99,32%	98,64%	98,64%	98,86%
	Chưa hải lòng	Số phiếu	4	18	20	24	4	6	12	12	10
		Tỷ lệ (%)	0,45%	2,05%	2,27%	2,73%	0,45%	0,68%	1,36%	1,36%	1,14%

[illegible]

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
2	Xã Xuân Canh		1.520	1.520	1.520	1.520	1.520	1.520	1.520	1.520	1.520
	Hài lòng	Số phiếu	1519	1514	1513	1519	1517	1519	1505	1513	1519
		Tỷ lệ (%)	99,93%	99,61%	99,54%	99,93%	99,80%	99,93%	99,01%	99,54%	99,93%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	1	6	7	1	3	1	15	7	1
		Tỷ lệ (%)	0,07%	0,39%	0,46%	0,07%	0,20%	0,07%	0,99%	0,46%	0,07%
3	Xã Kim Nỗ		1.255	1.255	1.255	1.255	1.255	1.255	1.255	1.255	1.255
	Hài lòng	Số phiếu	1250	1247	1240	1255	1254	1251	1254	1253	1253
		Tỷ lệ (%)	99,60%	99,36%	98,80%	100,00%	99,92%	99,68%	99,92%	99,84%	99,84%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	5	8	15	0	1	4	1	2	2
		Tỷ lệ (%)	0,40%	0,64%	1,20%	0,00%	0,08%	0,32%	0,08%	0,16%	0,16%
4	Xã Nam Hồng		2.076	2.076	2.076	2.076	2.076	2.076	2.076	2.076	2.076
	Hài lòng	Số phiếu	2074	2068	2052	2073	2075	2072	2075	2072	2076
		Tỷ lệ (%)	99,90%	99,61%	98,84%	99,86%	99,95%	99,81%	99,95%	99,81%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	2	8	24	3	1	4	1	4	0
		Tỷ lệ (%)	0,10%	0,39%	1,16%	0,14%	0,05%	0,19%	0,05%	0,19%	0%
5	Xã Việt Hùng		1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128
	Hài lòng	Số phiếu	1.128	1.118	1.127	1.128	1.128	1.128	1.128	1.128	1.126
		Tỷ lệ (%)	100%	99,11%	99,91%	100%	100%	100%	100%	100%	99,82%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	10	1	0	0	0	0	0	2
		Tỷ lệ (%)	0%	0,89%	0,09%	0%	0%	0%	0%	0%	0,18%
6	Xã Nguyên Khê		1.270	1.270	1.270	1.270	1.270	1.270	1.270	1.270	1.270
	Hài lòng	Số phiếu	1.270	1.264	1.265	1.268	1.270	1.270	1.270	1.267	1.270
		Tỷ lệ (%)	100%	99,53%	99,61%	99,84%	100%	100%	100%	99,76%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	0	6	5	2	0	0	0	3	0
		Tỷ lệ (%)	0%	0,47%	0,39%	0,16%	0%	0%	0%	0,24%	0%

TT	Đơn vị		Câu hỏi 1	Câu hỏi 2	Câu hỏi 3	Câu hỏi 4	Câu hỏi 5	Câu hỏi 6	Câu hỏi 7	Câu hỏi 8	Câu hỏi 9
7	Xã Xuân Nộn		1.816	1.816	1.816	1.816	1.816	1.816	1.816	1.816	1.816
	Hài lòng	Số phiếu	1808	1815	1812	1816	1814	1816	1816	1815	1816
		Tỷ lệ (%)	99,56%	99,94%	99,78%	100%	99,89%	100%	100%	99,94%	100%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	8	1	4	0	2	0	0	1	0
		Tỷ lệ (%)	0,44%	0,06%	0,22%	0%	0,11%	0%	0%	0,06%	0%
	Tổng cộng		9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400	9.400
	Hài lòng	Số phiếu	9.384	9.361	9.344	9.394	9.393	9.391	9.383	9.383	9.395
		Tỷ lệ (%)	99,83%	99,59%	99,40%	99,94%	99,93%	99,90%	99,82%	99,82%	99,95%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	16	39	56	6	7	9	17	17	5
		Tỷ lệ (%)	0,17%	0,41%	0,60%	0,06%	0,07%	0,10%	0,18%	0,18%	0,05%
	Tổng cộng toàn Thành phố		136.885	136.885	136.885	136.885	136.885	136.885	136.885	136.885	136.885
	Hài lòng	Số phiếu	136.453	135.646	135.346	135.237	136.548	136.492	136.349	136.274	136.426
		Tỷ lệ (%)	99,68%	99,09%	98,88%	98,80%	99,75%	99,71%	99,61%	99,55%	99,66%
	Chưa hài lòng	Số phiếu	432	1239	1539	1648	337	393	536	611	459
		Tỷ lệ (%)	0,32%	0,91%	1,12%	1,20%	0,25%	0,29%	0,39%	0,45%	0,34%